TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/6/2026
Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Công Hùng và ông Nguyễn Văn Thiện;

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phùng Lê L - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Gia Lai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 4, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trịnh Đình L, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 4, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Căn cứ vào đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh Đình L có trải qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau. Sau đó, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai vào năm 2011.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, trong quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông L thường xuyên đi chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, lấy tiền của gia đình chi tiêu hết còn vay mượn nợ nần, bà đã khuyên nhủ, cho ông L cơ hội để thay đổi nhưng ông L vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn căng thẳng kéo dài cho đến nay nhưng vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Trịnh Đình L.

- Về con chung và trách nhiệm nuôi dưỡng: Bà và ông Trịnh Đình L có 03 con chung là Trịnh Đình Đăng Khôi, sinh ngày 25/9/2011, Trịnh Đình Đăng Khoa, sinh ngày 22/10/2017 và Trịnh Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 13/9/2019.

Bà có nguyện vọng được là người trực tiếp trôm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng nuôi dưỡng cháu Khôi, cháu Khoa và cháu Anh cho đến khi ba cháu thành niên và tự lập được. Bà không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp của bà là buôn bán. Thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Bà đảm bảo đủ sức khoẻ và điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn ông Trịnh Đình L không đến Toà án để tham gia tố tụng nên không có lời khai tại hồ sơ.

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn bà Trần Thị Kim P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trịnh Đình L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có ý kiến tại phiên tòa.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Gia Lai:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ tham gia tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim P và ông Trịnh Đình L là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì bà P và ông L phát sinh mâu thuẫn, bà P không còn tình cảm với ông L. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng bà P và ông L không còn tình cảm để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, bà P không còn mong muốn chung sống cùng ông L nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim P.

+ Về con chung: Bà P có nguyện vọng giao các cháu Trịnh Đình Đăng Khôi, sinh ngày 25/9/2011, Trịnh Đình Đăng Khoa, sinh ngày 22/10/2017 và Trịnh Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 13/9/2019 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Bà không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Khoa và cháu Khôi có nguyện vọng được sống cùng bà P, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao các cháu Khoa, Khôi, Anh cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập được là phù hợp. Không buộc ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng con.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim P khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn, nuôi con chung với ông Trịnh Đình L có địa chỉ chỗ ở hiện nay tại Tổ dân phố 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trịnh Đình L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Kim P và ông Trịnh Đình L có trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đến năm 2011, bà P và ông L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà Trần Thị Kim P và ông Trịnh Đình L đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau, bà P nhận thấy cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, đời sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng phát sinh trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông L.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt, nên tại hồ sơ và tại phiên toà không có ý kiến trình bày của ông L. Điều đó cho thấy, ông L không quan tâm đến quan hệ hôn nhân và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng bà P không còn tình cảm và không còn mong muốn chung sống cùng ông L để cùng nhau yêu thương, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân. Như vậy, bà P và ông L đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà P yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung và trách nhiệm nuôi dưỡng: Bà Trần Thị Kim P và ông Trịnh Đình L có 03 con chung là Trịnh Đình Đăng Khôi, sinh ngày 25/9/2011, Trịnh Đình Đăng Khoa, sinh ngày 22/10/2017 và Trịnh Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 13/9/2019.

Bà P có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Đình Đăng Khôi, sinh ngày 25/9/2011, cháu Trịnh Đình Đăng Khoa, sinh ngày 22/10/2017 và cháu Trịnh Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 13/9/2019 cho đến khi ba cháu thành niên và tự lập được. Bà không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, ông L không quan tâm đến trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của bà P là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Khôi và cháu Khoa.

Do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao các cháu Khôi, Khoa, Anh cho bà P trực tiếp trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập được là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

- Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim P được ly hôn với ông Trịnh Đình L.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Đình Đăng Khôi, sinh ngày 25/9/2011, Trịnh Đình Đăng Khoa, sinh ngày 22/10/2017 và Trịnh Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 13/9/2019 cho bà Trần Thị Kim P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi con chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Trịnh Đình L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con

hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để nộp Ngân sách nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000648 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 8 - Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Cát Tiên, Tp Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 8 - Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng Anh Việt